

Bản Tin

VIÊN NÉN - MẶT HÀNG MỚI NỔI CỦA VIỆT NAM VÀ MỘT SỐ KHÍA CẠNH CẦN QUAN TÂM



*Tô Xuân Phúc, Forest Trends
Cao Thị Cẩm, VIFOREST*

Lời cảm ơn

Bản tin **Viên nén – mặt hàng mới nổi của Việt Nam và một số khía cạnh cần quan tâm** là sản phẩm của Nhóm nghiên cứu của các Hiệp hội gỗ và tổ chức Forest Trends. Nguồn thông tin trong Báo cáo được Nhóm tính toán dựa trên các dữ liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan Việt Nam do Nhóm nghiên cứu của các Hiệp hội gỗ và tổ chức Forest Trends tổng hợp.

Việc xây dựng và hoàn thành Bản tin này có sự trợ giúp về mặt tài chính của Quỹ David và Lucile Packard Foundation, Cơ quan Hợp tác Phát triển của Chính phủ Anh (DFID) và Cơ quan Hợp tác Phát triển của Chính phủ Na Uy (NORAD) thông qua Forest Trends. Các nhận định trong Bản tin là của các tác giả.

Nhóm tác giả

Mục lục

1. Bối cảnh	1
2. Việt Nam xuất khẩu viên nén năm 2021	2
2.1. Quy mô xuất khẩu.....	2
2.2. Thị trường xuất khẩu	2
2.3. Giá viên nén xuất khẩu	4
2.4. Quy mô các công ty xuất khẩu.....	4
2.5. Cảng xuất khẩu	6
2.6. Nguồn nguyên liệu đầu vào cho viên nén	7
2.7. Các loại gỗ sử dụng trong viên nén xuất khẩu	8
3. Biến động của thị trường xuất khẩu trong thời gian gần đây	9
3.1. Cầu viên nén tiếp tục mở rộng, giá xuất khẩu tăng nhanh	9
3.2. Cung viên nén toàn cầu giảm do xung đột Nga – Ukraina	9
3.3. Chứng chỉ FSC trong viên nén xuất khẩu	10
4. Hướng tới phát triển bền vững ngành viên nén	11
Phục lục	12
Tài liệu tham khảo.....	13

1. Bối cảnh

Viên nén là mặt hàng mới nổi của ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam. Sản xuất và xuất khẩu mặt hàng này mở rộng rất nhanh trong khoảng 5 năm trở lại đây. Đến nay Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu viên nén lớn thứ 2 trên thế giới (chỉ sau Hoa Kỳ), với lượng xuất mỗi năm trên 3 triệu tấn và trên dưới 400 triệu USD về kim ngạch. Nhật Bản và Hàn Quốc là hai thị trường tiêu thụ viên nén của lớn nhất của Việt Nam. Lượng xuất vào 2 thị trường này chiếm trên 95% tổng lượng viên nén xuất khẩu của cả nước (Phúc và Cẩm, 2021a). Xuất khẩu viên nén của Việt Nam đang trên đà tăng.



Mặc dù đã trở thành mặt hàng quan trọng, đến nay sản xuất và thương mại viên nén chưa nhận được sự quan tâm xứng đáng tại Việt Nam. Các thông tin về thực trạng sản xuất, nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào, thực trạng lao động, trình độ công nghệ, phân bố của các cơ sở chế biến viên nén rất hạn chế. Tương tự, thông tin về tình hình xuất khẩu, nhu cầu tiêu thụ, yêu cầu về chất lượng và tính hợp pháp của sản phẩm tại thị trường xuất khẩu hầu như không có. Thiếu thông tin về trong khâu sản xuất và xuất khẩu hạn chế tính minh bạch của chuỗi cung mặt hàng này. Điều này là nguyên nhân cho các rủi ro của chuỗi cung hiện nay.

Minh bạch hóa chuỗi cung có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy mở rộng sản xuất và xuất khẩu. Minh bạch hóa chuỗi cung phù hợp với xu

thế của thế giới về sản xuất và thương mại hợp pháp và bền vững về các mặt hàng gỗ. Trong thời gian qua Tổ chức Forest Trends và Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFOREST) đã thực hiện nghiên cứu và đưa ra một số ấn phẩm nhằm góp phần làm rõ thông tin về chuỗi cung này (Phúc và Cẩm, 2021a, Tô Xuân Phúc 2021). Bản tin **Viên nén – mặt hàng mới nổi của Việt Nam và một số khía cạnh cần quan tâm** tiếp tục cập nhật thông tin về chuỗi cung mặt hàng viên nén của Việt Nam, bao gồm thông tin cập nhật về xuất khẩu tới hết 2021. Bản tin cũng cập nhật thông tin về biến động thị trường xuất khẩu trong thời gian gần đây, đặc biệt là những tác động của cuộc xung đột Nga – Ukraine tới cung – cầu viên nén thế giới và ảnh hưởng của cuộc xung đột này tới sản xuất và xuất khẩu viên nén của Việt Nam.

Trong bản tin này thông tin xuất khẩu viên nén của Việt Nam được Nhóm nghiên cứu của các Hiệp hội gỗ và Forest Trends tổng hợp từ nguồn dữ liệu thống kê xuất khẩu của Tổng cục Hải quan. Dữ liệu xuất khẩu viên nén của các nước trên thế giới được thu thập từ nguồn ITC/UNCOMTRADE.¹ Thông tin về tác động của thay đổi cung – cầu viên nén thế giới tới các hoạt động sản xuất và xuất khẩu tại Việt Nam được thu thập thông qua phỏng vấn đại diện một số doanh nghiệp hiện đang trực tiếp tham gia sản xuất và xuất khẩu. Phỏng vấn được thực hiện vào tuần đầu của Tháng 4 năm 2022. Phần 2 dưới đây cập nhật tình hình xuất khẩu viên nén của Việt Nam đến hết 2021.

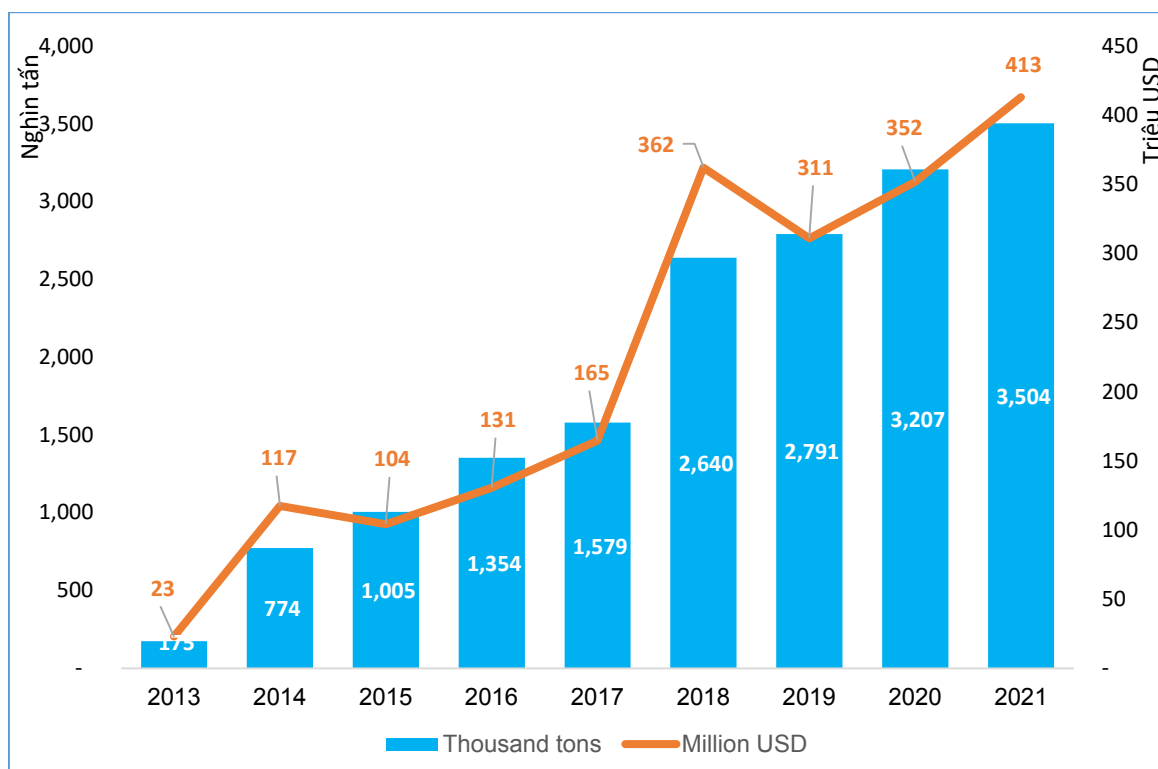
¹ <https://www.trademap.org/Index.aspx>.

2. Việt Nam xuất khẩu viên nén năm 2021

2.1. Quy mô xuất khẩu

Xuất khẩu viên nén của Việt Nam đang trên đà tăng trưởng (Hình 1). Trong năm 2021 lượng xuất khẩu đạt 3,5 triệu tấn tương đương kim ngạch 413 triệu USD.

Hình 1. Lượng và kim ngạch xuất khẩu viên nén của Việt Nam, 2013 - 2021



Nguồn: Nhóm nghiên cứu Hiệp hội gỗ và Forest Trends tổng hợp từ nguồn dữ liệu xuất khẩu Hải quan.

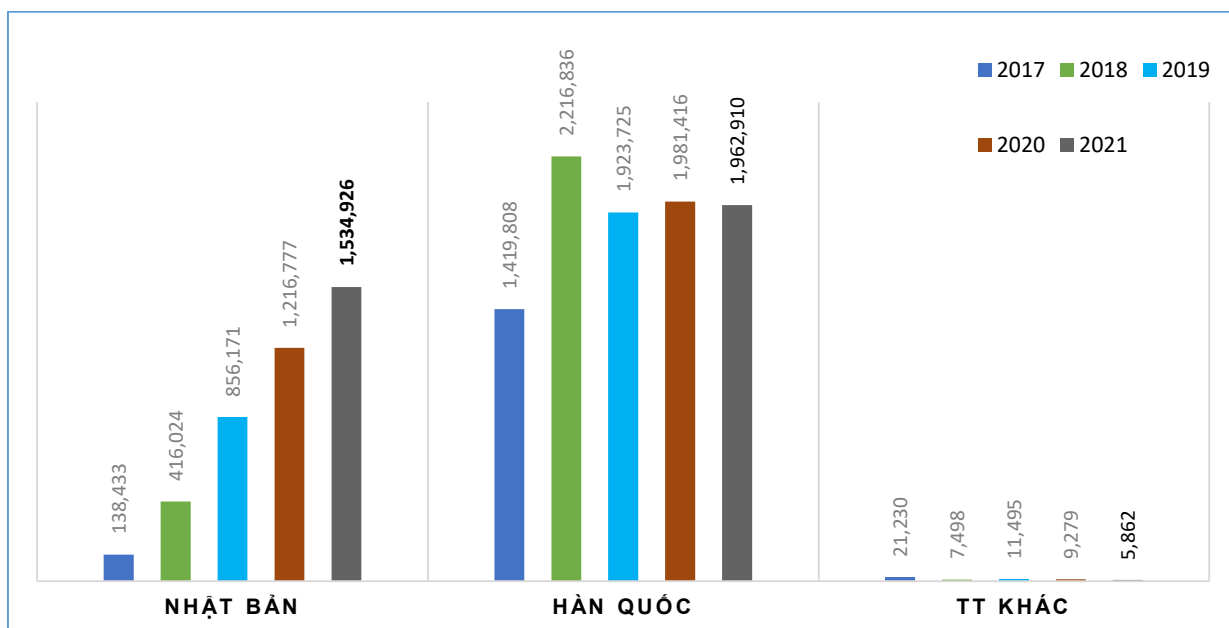
Xuất khẩu mặt hàng này tăng mạnh nhất kể từ năm 2018, với lượng và kim ngạch xuất khẩu trong năm này tăng gần gấp 2 lần so với năm trước đó (2017). Sau 2018, xuất khẩu tiếp tục được mở rộng, với lượng và kim ngạch tăng khoảng 10-20% mỗi năm.

Thông tin từ nguồn dữ liệu xuất khẩu của Tổng cục hải quan của Việt Nam cho biết xuất khẩu viên nén tăng mạnh trong những tháng đầu của năm 2022.

2.2. Thị trường xuất khẩu

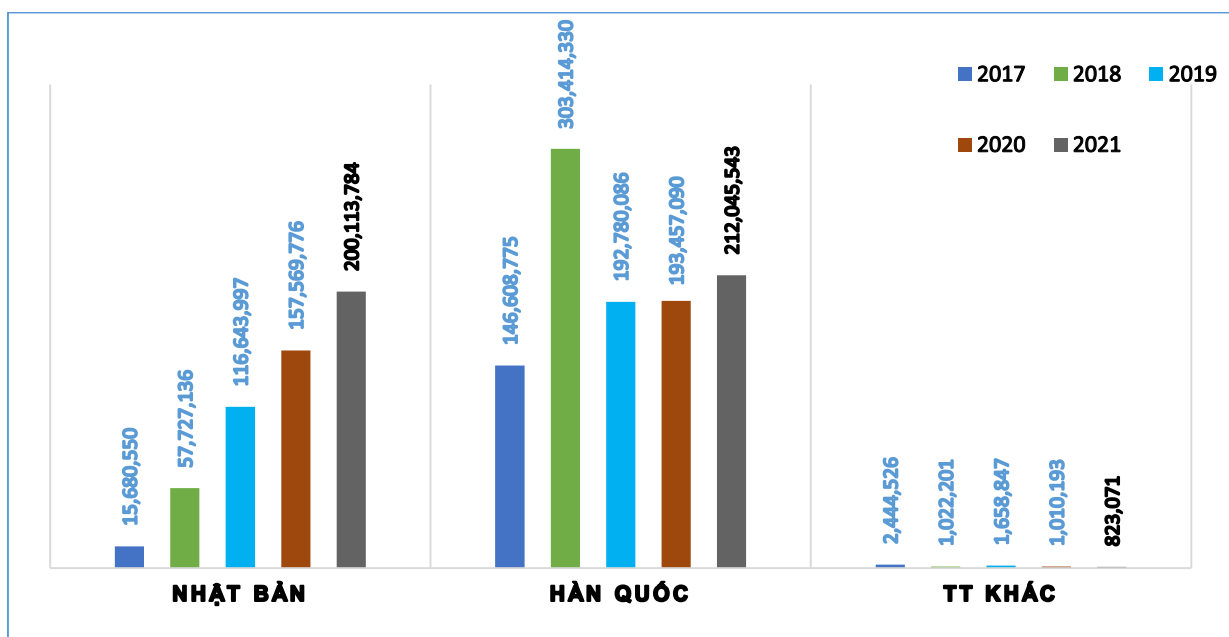
Hàn Quốc và Nhật Bản là 2 thị trường nhập khẩu viên nén quan trọng nhất của Việt Nam, với lượng nhập khẩu vào 2 thị trường này chiếm tới 95% trong tổng lượng viên nén Việt Nam xuất khẩu vào tất cả các thị trường. Hình 2 và 3 lần lượt chỉ ra lượng và kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này của Việt Nam vào Nhật Bản và Hàn Quốc và vào các thị trường khác từ 2017 tới hết 2021.

Hình 2. Lượng viên nén xuất khẩu của Việt Nam theo thị trường, 2017 - 2021 (Tấn)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu Hiệp hội gỗ và Forest Trends tổng hợp từ nguồn dữ liệu xuất khẩu Hải quan.

Hình 3. Kim ngạch xuất khẩu viên nén của Việt Nam theo thị trường, 2017 - 2021 (USD)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu Hiệp hội gỗ và Forest Trends tổng hợp từ nguồn dữ liệu xuất khẩu Hải quan.

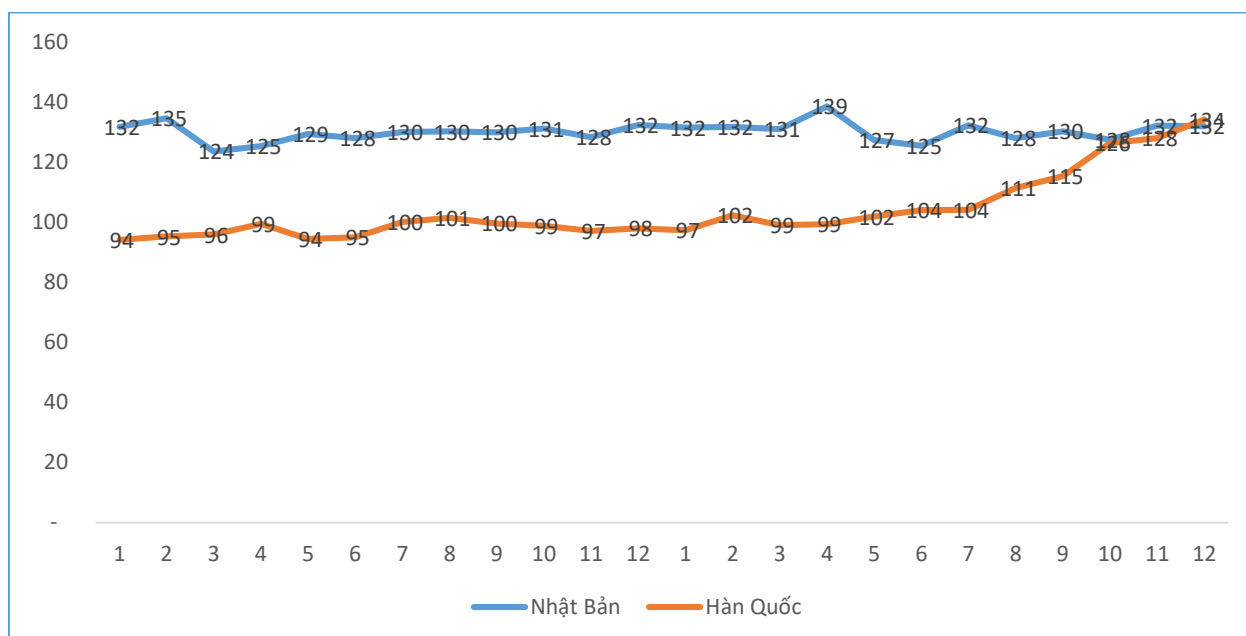
Đến nay quy mô xuất khẩu viên nén của Việt Nam vào Nhật Bản và Hàn Quốc gần như tương đương nhau. Cụ thể, năm 2021 lượng viên nén của Việt Nam xuất khẩu sang Nhật Bản và Hàn Quốc lần lượt chiếm 43,8% và 56% về tổng lượng viên nén xuất khẩu của Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu vào 2 thị trường này lần lượt là 48,5% và 51%.

Tuy nhiên xét về khía cạnh động lực và tốc độ tăng trưởng, thị trường Nhật Bản có tốc độ tăng trưởng mạnh và ổn định hơn rất nhiều so với thị trường Hàn Quốc. Theo một số doanh nghiệp trong ngành, trong tương lai nhu cầu viên nén tại thị trường Nhật Bản sẽ tăng lên khoảng 3 lần so với hiện tại. Viên nén của Việt Nam có cơ hội mở rộng thị trường rất lớn tại đây.

2.3. Giá viên nén xuất khẩu

Các doanh nghiệp xuất khẩu viên nén của Việt Nam chủ yếu bán hàng theo giá FOB, là mức giá hàng giao tại mạn tàu cho người mua tại cảng xuất khẩu của Việt Nam. Mức giá này chưa bao gồm cước phí vận chuyển, bảo hiểm hàng hóa và các chi phí liên quan khác. Hình 4 chỉ ra sự thay đổi giá xuất khẩu của mặt hàng này của Việt Nam theo tháng giai đoạn 2020-2021.

Hình 4. Giá xuất khẩu viên nén của Việt Nam theo tháng, 2020-2021 (FOB, USD/tấn)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu Hiệp hội gỗ và Forest Trends tổng hợp từ nguồn dữ liệu xuất khẩu Hải quan.

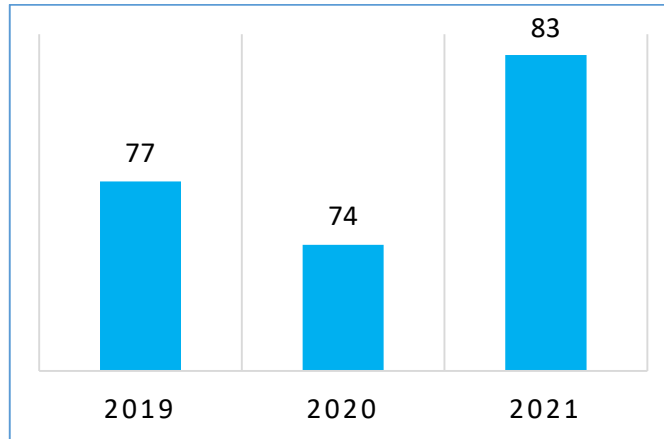
Giá xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản ổn định hơn rất nhiều so với giá xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng về giá tại thị trường Hàn Quốc mạnh hơn rất nhiều so với tốc độ tăng trưởng tại Nhật Bản. Cụ thể, vào những tháng đầu 2020 mức giá xuất khẩu (USD/tấn) vào thị trường Hàn Quốc chỉ tương đương khoảng 70% mức giá xuất khẩu vào Nhật Bản. Tuy nhiên vào cuối của quý IV năm 2021 khác biệt về giá xuất khẩu vào 2 thị trường này không còn (Hình 4).

Thông tin chia sẻ từ một số doanh nghiệp đang sản xuất và xuất khẩu cho thấy trong những tháng đầu 2022 giá viên nén xuất khẩu đặc biệt sang Hàn Quốc tăng mạnh. Một số đơn vị xuất khẩu đã ký được các đơn hàng xuất khẩu sang Hàn Quốc có giá 150 – 160 USD/tấn. Giá xuất khẩu sang Nhật Bản cũng tăng, tuy nhiên chủ yếu dao động trong khoảng 140-145 USD/tấn. Sự khác nhau về tốc độ tăng giá tại thị trường Hàn Quốc và Nhật Bản có nguyên nhân chính là do khác biệt trong thời hạn của hợp đồng các doanh nghiệp Việt Nam ký kết với nhà nhập khẩu tại 2 thị trường này (xem chi tiết tại phần 3).

2.4. Quy mô các công ty xuất khẩu

Số lượng các công ty trực tiếp tham gia xuất khẩu tương đối nhỏ và không có nhiều biến động trong những năm gần đây (Hình 5). Cụ thể, năm 2021 số công ty trực tiếp tham gia xuất khẩu từ Việt Nam là 83, chỉ tăng thêm 9 công ty so với năm 2020 và 6 công ty so với 2019.

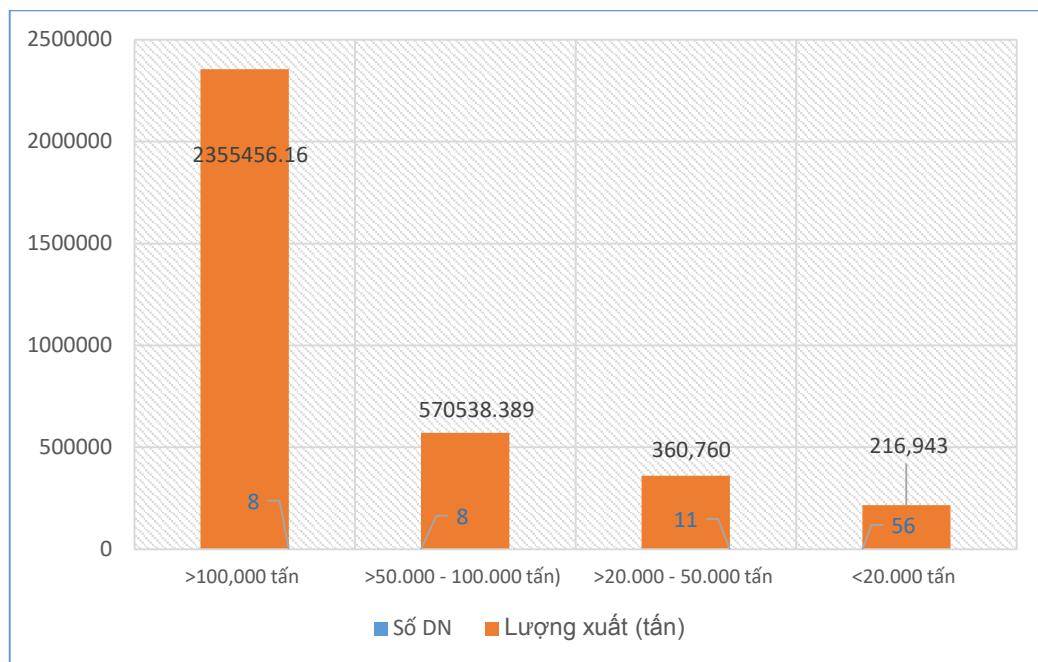
Hình 5. Quy mô công ty xuất khẩu



Nguồn: Nhóm nghiên cứu Hiệp hội gỗ và Forest Trends tổng hợp từ nguồn dữ liệu xuất khẩu Hải quan.

Số lượng công ty tham gia xuất khẩu tăng chậm trong khi lượng xuất khẩu tăng mạnh cho thấy quy mô xuất khẩu ngày càng tập trung trong một số công ty lớn. Hình 6 chỉ ra quy mô xuất khẩu của các công ty xuất khẩu trong năm 2021.

Hình 6. Quy mô xuất khẩu của các công ty năm 2021



Nguồn: Nhóm nghiên cứu Hiệp hội gỗ và Forest Trends tổng hợp từ nguồn dữ liệu xuất khẩu Hải quan.

Trong tổng số 83 công ty trực tiếp tham gia xuất khẩu năm 2021, 8 công ty có lượng xuất khẩu trên 100.000 tấn/công ty. Lượng xuất khẩu trong năm của cả 8 công ty này chiếm gần 2/3 (67%) tổng lượng xuất khẩu của tất cả các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu. Trong 8 công ty này có 3 doanh nghiệp có lượng xuất khẩu từ 400.000 tấn trở lên, trong đó có 1 doanh nghiệp có lượng xuất khẩu đặc biệt lớn, gần 714.000 tấn, tương đương 20% trong tổng lượng xuất khẩu trong năm của cả Việt Nam.

Trong các doanh nghiệp xuất khẩu năm 2021, 8 doanh nghiệp có lượng xuất khẩu từ trên 50.000 đến 100.000 tấn/doanh nghiệp. Lượng xuất khẩu của cả 8 doanh nghiệp này chiếm

16% trong tổng lượng xuất khẩu, nhỏ hơn nhiều so với lượng xuất khẩu của các doanh nghiệp thuộc nhóm đầu tiên.

11 doanh nghiệp có lượng xuất khẩu nhỏ, từ trên 20.000 tới 50.000 tấn mỗi doanh nghiệp. Lượng xuất khẩu từ các doanh nghiệp nhóm này chiếm 10% trong tổng lượng xuất khẩu.

Một lượng lớn doanh nghiệp (56 doanh nghiệp, chiếm gần 70% trong tổng số doanh nghiệp xuất khẩu) có lượng xuất khẩu nhỏ, dưới 20.000 tấn/doanh nghiệp. Trong 56 doanh nghiệp này có gần 60% (32 doanh nghiệp) có lượng xuất khẩu siêu nhỏ, với quy mô xuất khẩu dưới 1.000 tấn/doanh nghiệp. Tuy chiếm tới gần 40% trong tổng số doanh nghiệp tham gia xuất khẩu (83), lượng xuất từ 32 doanh nghiệp này chiếm dưới 0,2% trong tổng lượng viên nén xuất khẩu của cả nước trong năm.

Các thông tin về quy mô xuất khẩu của doanh nghiệp cho thấy một số khía cạnh nổi bật trong khâu xuất khẩu như sau:

- Nhìn chung số doanh nghiệp tham gia khâu xuất nhỏ (dưới 100 doanh nghiệp mỗi năm). Điều này có thể là do các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc tiếp cận trực tiếp với thị trường xuất khẩu
- Khâu xuất khẩu hiện tại chủ yếu tập trung trong khoảng 15 doanh nghiệp có quy mô lớn
- Số lượng doanh nghiệp có quy mô xuất khẩu nhỏ và siêu nhỏ chiếm đông đảo

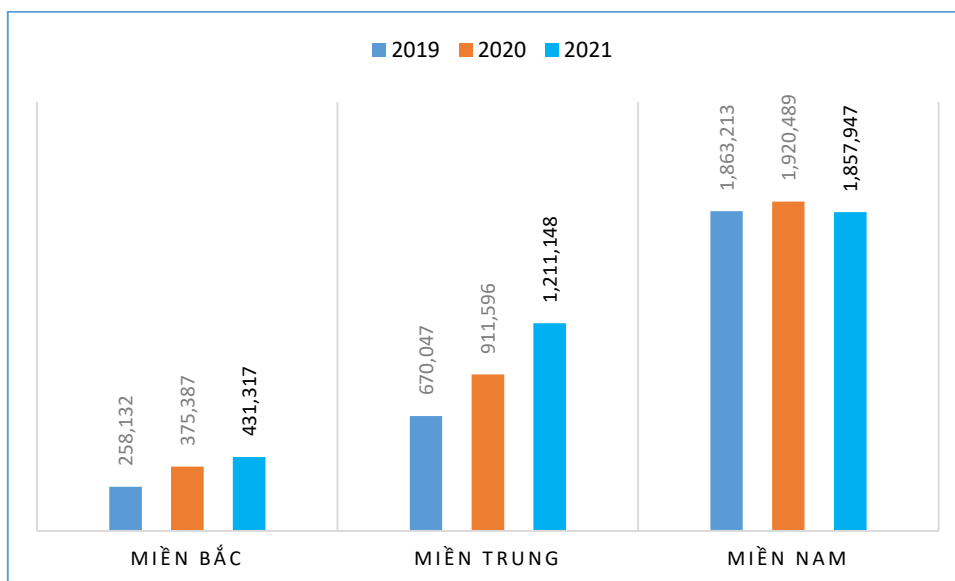
Số doanh nghiệp tham gia khâu xuất khẩu không tương đồng với các doanh nghiệp tham gia khâu sản xuất. Thông tin chia sẻ từ một số doanh nghiệp cho biết số doanh nghiệp /cơ sở sản xuất viên nén trong cả nước hiện tại khoảng trên 300 cơ sở (xem thêm thông tin về các cơ sở tham gia khâu sản xuất trong Phần 3).

2.5. Cảng xuất khẩu

Viên nén của Việt Nam được xuất khẩu qua hệ thống các cảng biển ở Miền Bắc, Trung và Nam. Hình 7 chỉ ra lượng xuất khẩu từ các cảng được chia theo 3 vùng này trong những năm gần đây.

Lượng xuất khẩu từ các cảng khu vực Miền Nam lớn hơn nhiều so với lượng xuất từ các cảng khu vực Miền Trung và Miền Bắc. Lượng xuất qua hệ thống các cảng tại Miền Trung tăng mạnh trong những năm gần đây, trong khi lượng xuất qua các cảng Miền Nam tương đối ổn định. Nếu động lực này được duy trì, có thể trong tương lai không xa khu vực Miền Trung sẽ đuổi kịp khu vực Miền Nam về lượng xuất khẩu.

Hình 7. Lượng viên nén xuất khẩu qua hệ thống cảng biển thuộc ba miền (tấn)



Nguồn: Nhóm nghiên cứu Hiệp hội gỗ và Forest Trends tổng hợp từ nguồn dữ liệu xuất khẩu Hải quan

2.6. Nguồn nguyên liệu đầu vào cho viên nén

Như đã đề cập ở trên nguồn nguyên liệu gỗ đầu vào được sử dụng làm viên nén thường là gỗ cành, ngọn của gỗ rừng trồng trong nước, và các phụ phẩm gỗ (mùn cưa, dăm bào, đầu mẫu gỗ, rạc sạch,...) của ngành chế biến.



Nguyên liệu đầu vào sản xuất viên nén tại Công ty NetMa (Yên Bái)

Nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào cho sản xuất viên nén đều được huy động tại chỗ. Lý do là lợi ích từ sản xuất và thương mại mặt hàng này sẽ không bù đắp được chi phí vận chuyển nguyên liệu từ vùng này qua vùng khác với khoảng cách địa lý xa.

Hiện viên nén xuất khẩu của Việt Nam có 2 loại, tương ứng với 2 loại nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào sẵn có tại địa phương để sản xuất viên nén.

Viên nén từ phụ phẩm của ngành gỗ. Các tỉnh Miền Đông Nam Bộ là như Bình Dương, Đồng Nai, Thành phố Hồ Chí Minh là trung tâm chế biến gỗ của cả nước, với nhiều doanh nghiệp chế biến tập trung tại các khu vực này. Mặc dù tập trung nhiều doanh nghiệp chế biến, khu vực miền Nam là nơi có các diện tích rừng trồng nhỏ (Phúc và cộng sự, 2021). Điều này có nghĩa nguồn nguyên liệu đầu vào cho viên nén không phải là cành, ngọn từ nguồn gỗ rừng trồng mà chủ yếu từ các phụ phẩm của chế biến.

Các doanh nghiệp phía Nam sử dụng nhiều gỗ nhập khẩu, từ các nguồn như Hoa Kỳ và Châu Âu. Nguồn gỗ phụ phẩm để làm viên nén xuất khẩu chủ yếu là gỗ tận dụng từ nguồn này.

Viên nén từ cành, ngọn của gỗ rừng trồng. Hiện tại, nguồn gỗ rừng trồng của Việt Nam chủ yếu tập trung ở khu vực Miền Bắc và Miền Trung (cùng nguồn trích dẫn). Viên nén xuất khẩu từ hệ thống các cảng biển ở khu vực phía Bắc và miền Trung chủ yếu được làm từ cành, ngọn từ nguồn gỗ rừng trồng (một lượng nhỏ được làm từ các sản phẩm phụ của chế biến).

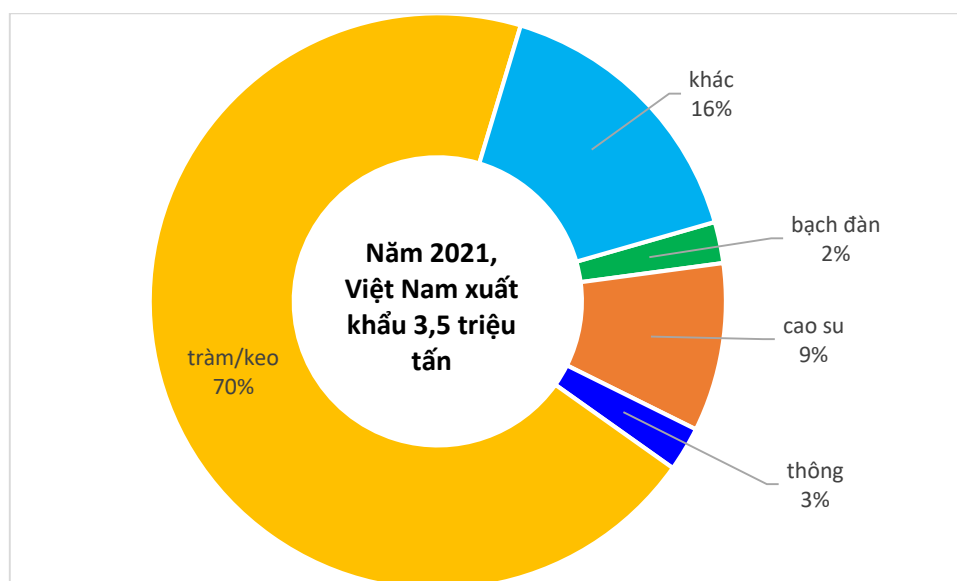
2.7. Các loài gỗ sử dụng trong viên nén xuất khẩu

Trong ngành gỗ, viên nén thường được coi là sản phẩm phụ hoặc sản phẩm cuối cùng. Nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào của viên nén là cành, ngọn từ nguồn gỗ rừng trồng, từ các sản phẩm phụ của quá trình chế biến như đầu mẫu vụn của gỗ, mùn cưa, dăm bào...

Do được coi là sản phẩm phụ, các cơ quan chức năng của Việt Nam không yêu cầu các doanh nghiệp xuất khẩu phải khai báo loài gỗ trong sản phẩm. Tuy nhiên, một số doanh nghiệp vẫn thực hiện thủ tục khai báo.

Hình 8 chỉ ra tỷ trọng viên nén xuất khẩu được chia theo các loài gỗ sử dụng đầu vào. Các con số tỷ trọng chỉ được tính trên tổng lượng viên nén xuất khẩu có khai báo loài. Năm 2021 lượng viên nén xuất khẩu có khai báo loài chiếm tới 84% trong tổng lượng viên nén xuất khẩu của cả Việt Nam trong cùng năm.

Hình 8. Tỷ trọng các loài gỗ sử dụng làm nguyên liệu đầu vào của viên nén năm 2021



Nguồn: Nhóm nghiên cứu Hiệp hội gỗ và Forest Trends tổng hợp từ nguồn dữ liệu xuất khẩu Hải quan.

Thông tin trong hình 7 cho thấy các loài gỗ được khai báo trong viên nén xuất khẩu chủ yếu là các loài gỗ có nguồn gốc từ rừng trồng của Việt Nam (keo, trầm, cao su, thông, bạch đàn). Như đề cập ở trên, viên nén xuất khẩu từ các khu vực miền Nam chủ yếu có nguồn gốc từ gỗ nhập khẩu. Viên nén sử dụng từ các phụ phẩm từ nguồn gỗ này thường không khai báo loài khi xuất khẩu.

3. Biến động của thị trường xuất khẩu trong thời gian gần đây

Giống như các ngành hàng khác, ngành hàng viên nén đã và đang trải qua nhiều biến động trong vòng 2 năm trở lại đây. Đại dịch COVID và gần đây là xung đột giữa Nga và Ukraine là những nguyên nhân chính hình thành các biến động này. Phần dưới đây sẽ đi vào một khía cạnh chính về biến động cung – cầu mặt hàng viên nén của Việt Nam.

3.1. Cầu viên nén tiếp tục mở rộng, giá xuất khẩu tăng nhanh

Thông tin từ các doanh nghiệp xuất khẩu cho biết nhu cầu sử dụng viên nén tại các thị trường xuất khẩu chủ lực của Việt Nam như Hàn Quốc và đặc biệt tại Nhật Bản sẽ tiếp tục tăng mạnh trong tương lai. Cụ thể tại Nhật Bản, cầu mặt hàng này đến năm 2025 có thể tăng lên gấp 2 lần so với hiện nay. Hiện nhiều nhà mua Nhật Bản đã ký hợp đồng dài hạn (10 năm) với các nhà cung cấp của Việt Nam với mức giá ổn định, chỉ tăng khoảng 3-5% mỗi năm. Các hợp đồng dài hạn này giúp cho các doanh nghiệp ổn định các hoạt động sản xuất kinh doanh trong dài hạn.

Khác với Nhật Bản, Hàn Quốc là thị trường có tính biến động lớn hơn. Các hợp đồng doanh nghiệp Việt Nam ký kết với các nhà mua Hàn Quốc thường ngắn hạn, từ 3 tháng tới 12 tháng tùy thuộc vào từng hợp đồng. Các mức giá cũng có độ ổn định ngắn hạn. Điểm bất lợi của các hợp đồng ngắn hạn là không tạo được sự ổn định cho doanh nghiệp. Tuy nhiên với các hợp đồng này doanh nghiệp cũng có lợi thế về khả năng điều chỉnh giá để phù hợp với những biến động về giá của thị trường. Hiện tại, cầu viên nén đang tăng lên rất mạnh (xem phần 3.2) và điều này đẩy giá viên nén xuất khẩu lên cao. Một số doanh nghiệp xuất khẩu đi Hàn Quốc đã có những hợp đồng với mức giá xuất khẩu khoảng 150-160 USD/tấn, trong đó hầu hết các hợp đồng xuất khẩu sang Nhật Bản chỉ có mức giá từ 140-145 USD/tấn.

3.2. Cung viên nén toàn cầu giảm do xung đột Nga – Ukraina

Nga là một trong những nguồn cung viên nén lớn cho thế giới (Phụ lục 1), với lượng cung khoảng trên 2 triệu tấn mỗi năm (Bảng 1), chủ yếu cho các nước EU.

Bảng 1. Lượng viên nén xuất khẩu từ Nga, 2017-2021 (tấn)

Năm	2017	2018	2019	2020	2021
Lượng xuất (tấn)	1,438,541	1,513,009	1,934,641	2,284,884	2,422,974

Nguồn: ITC/UNCOMTRADE

Ngày 8 tháng 3 vừa qua Chính phủ Nga ban hành lệnh cấm xuất khẩu một số sản phẩm gỗ từ Nga, trong đó bao gồm viên nén (và gỗ tròn). Lệnh cấm này đưa ra được coi như một trong những biện pháp trả đũa đối với các lệnh trừng phạt từ các nước phương tây hiện đang áp dụng với Nga trong bối cảnh của cuộc xung đột Nga – Ukraina. Lệnh cấm này sẽ được duy trì

đến 31 tháng 12 năm 2022. Với lệnh cấm này, viên nén xuất khẩu từ Nga được coi là bất hợp pháp.

Với hiệu lực của lệnh cấm này, nguồn cung 2,4 triệu tấn viên nén xuất khẩu từ Nga bị mất hoàn toàn. Điều này đòi hỏi các nước trước đó nhập khẩu viên nén từ Nga, chủ yếu từ EU, tìm kiếm nguồn cung thay thế. Các nguồn cung thay thế bao gồm Hoa Kỳ, Canada. Một số doanh nghiệp Việt Nam cũng trở thành nguồn cung thay thế. Tuy nhiên, Hoa Kỳ và Canada cũng là nguồn cung quan trọng cho Nhật Bản và Hàn Quốc. Các nước EU “hút” nguồn cung từ Hoa Kỳ và Canada tạo ra sự thiếu hụt nguồn cung cho Nhật và Hàn, từ đó đẩy giá viên nén lên cao trong thời gian vừa qua. Hiện chưa có dấu hiệu giá viên nén xuất khẩu của Việt Nam sẽ chững lại trong tương lai.

3.3. Chứng chỉ FSC trong viên nén xuất khẩu

Đến nay một số nhà nhập khẩu từ Nhật Bản yêu cầu viên nén từ Việt Nam cần có chứng chỉ FSC – chứng chỉ đảm bảo nguồn gỗ nguyên liệu đưa vào làm viên nén có nguồn gốc từ các diện tích rừng được quản lý bền vững. Các nhà nhập khẩu yêu cầu viên nén có chứng chỉ thường là các hãng lớn.

Nhiều nhà nhập khẩu đặc biệt là các nhà nhập khẩu tại Hàn Quốc chưa yêu cầu viên nén nhập khẩu vào thị trường này cần có chứng chỉ FSC.

Tại Việt Nam, các diện tích rừng trồng là rừng sản xuất hiện đạt chứng chỉ FSC đến nay mới chỉ đạt khoảng 186.000 ha. Diện tích đến tuổi khai thác chỉ chiếm khoảng từ 40%-50% trong tổng diện tích đã có chứng chỉ. Nguồn gỗ lớn có chứng chỉ được đưa vào chế biến đồ gỗ xuất khẩu. Nguồn cành, ngọn được đưa vào làm dăm và viên nén. Điều này cho thấy:

- Lượng gỗ nguyên liệu có chứng chỉ được đưa vào làm viên nén đến nay còn hạn chế
- Nguồn gỗ có chứng chỉ đưa vào làm viên nén chủ yếu tập trung ở miền Bắc và miền Trung, bởi đây nơi có các diện tích rừng trồng có chứng chỉ

Thời gian vừa qua đã xuất hiện một số cáo buộc về một số doanh nghiệp xuất khẩu viên nén của Việt Nam khai báo gian dối về lượng viên nén có chứng chỉ FSC khi xuất khẩu. Cụ thể, các cáo buộc này cho rằng lượng viên nén xuất khẩu có FSC mà các doanh nghiệp khai báo lớn hơn rất nhiều so với năng lực sản xuất thực tế của doanh nghiệp. Hiện Tổ chức FSC đang tiến hành điều tra về các cáo buộc này. Thông tin chi tiết về các cáo buộc này đã được phản ánh trong ấn phẩm của Forest Trends và VIFOREST (Phúc và Cẩm, 2021a) và trên website của một số tổ chức.²

Bên cạnh đó, hiện đang xuất hiện một số lo ngại về mối quan hệ giữa nguồn nguyên liệu đầu vào cho sản xuất và nguy cơ mất rừng ở Việt Nam. Trong tương lai, cần có những nghiên cứu thực địa để làm rõ thông tin về các lo ngại này.

² Tham khảo thông tin trên website của tổ chức Biomass Fuel Việt Nam (<https://biomassfuelvn.com/27-04-2021-workshop-on-issues-with-fsc-fraud-was-held-with-ngos/>) và FSC (<https://fsc.org/en/supply-chain-fraud-vietnam>).

4. Hướng tới phát triển bền vững ngành viên nén

Với lượng và kim ngạch xuất khẩu lớn, viên nén đã trở thành một mặt hàng xuất khẩu quan trọng của ngành gỗ Việt Nam. Sản xuất và xuất khẩu viên nén của Việt Nam sẽ tiếp tục tăng trưởng bởi nhu cầu tại thị trường xuất khẩu tiếp tục tăng trong tương lai, chủ yếu do việc mở rộng cầu của thị trường trong bối cảnh nguồn cung thế giới đang khan hiếm, một phần là do xung đột Nga – Ukraina làm mất nguồn cung từ Nga. Ngành viên nén của Việt Nam sẽ tiếp tục phát triển do Việt Nam có một số lợi thế, bao gồm:

- Nguồn nguyên liệu đầu vào sẵn có, được huy động từ nguồn gỗ rừng trồng, đặc biệt từ các hộ trồng rừng
- Tận dụng được phụ phẩm gỗ của ngành chế biến
- Quy mô vốn đầu tư sản xuất nhỏ (1-2 triệu USD), trình độ quản lý, công nghệ sản xuất không đòi hỏi cao
- Cầu thị trường lớn, với người mua từ thị trường xuất khẩu tìm kiếm các nhà cung cấp tại Việt Nam

Tuy nhiên ngành viên nén của Việt Nam hiện còn một số hạn chế, bao gồm:

- Thiếu cơ chế kiểm tra giám sát trong khâu sản xuất, đặc biệt là chất lượng đầu ra sản phẩm, bao gồm cả các khía cạnh về hợp pháp và bền vững trong sản phẩm
- Doanh nghiệp sản xuất và xuất khẩu của Việt Nam thiếu thông tin về động lực và các yêu cầu về khía cạnh pháp lý và bền vững trong sản phẩm từ các thị trường xuất khẩu
- Doanh nghiệp nhập khẩu và sử dụng viên nén của Việt Nam tại thị trường xuất khẩu thiếu thông tin về chuỗi cung sản xuất tại đầu Việt Nam, bao gồm thực trạng sản xuất, nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào, các khía cạnh về lao động, môi trường, liên kết giữa các nhà xuất khẩu và các cơ sở sản xuất
- Thiếu kết nối giữa các doanh nghiệp trong nước, bao gồm khối doanh nghiệp xuất khẩu và đặc biệt trong khối các cơ sở sản xuất. Hạn chế các kết nối này làm cho các doanh nghiệp trong ngành chưa có tiếng nói chung về các khía cạnh sản xuất, kinh doanh và khi tham gia thị trường xuất khẩu.

Để ngành viên nén Việt Nam có thể phát triển được bền vững trong tương lai, các hạn chế nêu trên cần được giải quyết. Điều này đòi hỏi các cơ quan quản lý cần đưa ra các cơ chế chính sách phù hợp với thực trạng của ngành, đảm bảo tính bao trùm và không gây ra các tác động tiêu cực cho các nhóm yếu thế, đặc biệt là các hộ trồng rừng và các cơ sở sản xuất, chế biến nhỏ và siêu nhỏ. Cơ chế, chính sách cũng cần cởi mở, tạo điều kiện cho việc hình thành Chi hội sản xuất và xuất khẩu viên nén Việt Nam đặt trong VIFOREST. Chi hội này có tiềm năng trong việc kết nối thông tin giữa các doanh nghiệp trong ngành tham gia khâu sản xuất và xuất khẩu, và giữa các doanh nghiệp trong ngành và các doanh nghiệp tại thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, Chi hội có tiềm năng kết nối thông tin cung – cầu nhằm minh bạch hóa chuỗi cung, giúp doanh nghiệp tiếp cận tốt với thông tin thị trường, từ đó xây dựng các chiến lược sản xuất kinh doanh lâu dài và bền vững./.

Phục lục

Phụ lục 1. Các nước xuất khẩu viên nén có số lượng lớn trên thế giới, 2017-2021 (tấn)

Nước XK	2017	2018	2019	2020	2021
Toàn thế giới	19,559,032	23,425,294	25,796,342	28,104,423	NA*
Mỹ	5,148,097	6,016,860	6,917,474	7,257,078	7,522,550
Canada	2,171,528	2,651,441	2,634,241	2,900,687	3,140,918
Latvia	1,620,734	1,690,946	2,224,590	2,364,148	2,740,490
Nga	1,438,541	1,513,009	1,934,641	2,284,884	2,422,974
Đan Mạch	332,611	699,233	1,059,666	1,445,620	NA
Estonia	1,250,596	1,111,953	1,126,192	1,090,074	1,559,213
Áo	671,240	804,433	818,387	849,292	NA
Đức	489,879	641,450	771,278	810,915	801,773
Malaysia	526,992	703,291	614,558	634,039	561,815
Lithuania	403,230	479,166	598,278	611,006	618,494
Bồ Đào Nha	475,659	553,933	709,019	601,440	510,425

*Nguồn: ITC/UNCOMTRADE; *NA: not available (chưa có số liệu)*

Tài liệu tham khảo

1. Tô Xuân Phúc, 2021. *Sản xuất và xuất khẩu viên nén tại Việt Nam: Thực trạng và một số khía cạnh cần quan tâm*. Bản tin của Forest Trends, tháng 7 năm 2021.
(<https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/Ban%20tin%20Vien%20Nen%20nguyen%20lieu.pdf>).
2. Tô Xuân Phúc và Cao Thị Cẩm, 2021a. *Sản xuất và xuất khẩu viên nén của Việt Nam: Thực trạng và một số khía cạnh cần quan tâm*. Bản tin của Forest Trends và VIFOREST, tháng 10 năm 2021.
(https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/Ban%20tin_San%20xuat%20va%20xuat%20khau%20vien%20nen%20cua%20Viet%20Nam%20-%20Thang%2010%20nam2021.pdf)
3. Tô Xuân Phúc, Cao Thị Cẩm và Trần Lê Huy, 2021. *Tạo quỹ đất cho phát triển nguồn gỗ nguyên liệu trong nước bền vững phục vụ chế biến xuất khẩu*. Báo cáo của Forest Trends, VIFOREST, HAWA, FPA Bình Định và DOWA, Tháng 12 năm 2021.
(https://goviet.org.vn/upload/aceweb/content/Bao%20cao_Tao%20quy%20dat%20cho%20phat%20trien%20nguồn%20go%20nguyen%20lieu%20trong%20nuoc%20ben%20vung.pdf).

